

Bản án số: 928/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Phước Trinh.
- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 705/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 562/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 650/2024/QĐST - DS ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T (VIỆT NAM).

Địa chỉ: số I đường P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LEE J, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm 2000;

Địa chỉ: P, tầng D, tòa nhà số G đường T, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kim H, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 01/11/2022 Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 3869563 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Kim H với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Kim H, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Nguyễn Kim H. Theo hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Kim H có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền 2.025.695 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/11/2024 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Nguyễn Kim H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty T.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà Nguyễn Kim H thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà Nguyễn Kim H biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà Nguyễn Kim H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty T.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà Nguyễn Kim H vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết tuyên buộc bà Nguyễn Kim H thanh toán cho Công ty T tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 30/6/2023 là: 41.075.103 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 31.980.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 7.423.066 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi phạt gốc): 1.421.180 đồng; Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi chậm trả): 250.857 đồng. Ngoài ra Công ty T còn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Kim H phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của Công ty T, ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến: Công ty T yêu cầu bà Nguyễn Kim H thanh toán cho Công ty T tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2024 là: 65.382.819 đồng, trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 31.980.000 đồng; Số tiền lãi phát sinh trong hạn: 15.860.499 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 15.652.185 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.890.135 đồng. Ngoài ra Công ty T còn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Kim H phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Kim H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên không có lời khai của bà H. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty T (Việt Nam) yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc bị đơn là bà Nguyễn Kim H trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số: 3869563 ngày 01/11/2022, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn trong vụ kiện là bà Nguyễn Kim H hiện có địa chỉ tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của Công ty T, ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là đúng quy định.

Tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3869563 ngày 01/11/2022 và tại Căn cước công dân của thể hiện nơi cư trú của bà H tại: Tổ C, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi ký kết hợp đồng tín dụng đến khi Công ty T khởi kiện đến Tòa án thì bà H cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Công ty T. Căn cứ Khoản 2, Khoản 3, Điều 5; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì trường hợp của bà H được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà H theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn là bà Nguyễn Kim H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) về việc yêu cầu bà Nguyễn Kim H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/09/2024 là: 65.382.819 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 31.980.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 15.860.499 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 15.652.185 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.890.135 đồng; yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Kim H phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

[4.1] Về Hợp đồng tín dụng và nợ gốc:

Hội đồng xét xử xét các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Ngày 01/11/2022, bị đơn có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3869563 để vay số tiền 31.980.000 (ba mươi một triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng (trong đó khoản vay 30.000.000 đồng và Phí bảo hiểm 1.980.000 đồng) của nguyên đơn với mức lãi suất là 44.00%/năm (một năm là 365 ngày), mục đích vay tiêu dùng và mua bảo hiểm người vay vốn/bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân (nếu có); người vay tiền có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả góp hàng tháng cho Công ty T với số tiền 2.025.695 đồng kể từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/10/2024 cho Công ty và phải trả 1.879.515 đồng cho tháng cuối cùng là ngày 01/11/2024. Giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3869563 ngày 01/11/2022 được ký kết bằng hình thức điện tử được chứng thực bởi Công ty TNHH H1 chứng thực. Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT-CA ngày 01/12/2023 chứng nhận tên thuê bao Nguyễn Kim H đã sử dụng chứng thư số FPT-CA để ký hợp đồng trực tuyến vào ngày 01/11/2022. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Kim H, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Nguyễn Kim H. Tuy nhiên, bà H và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3869563 ngày 01/11/2022, đồng thời đã vi phạm vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay, bà H không cung cấp lời khai cũng như tài liệu chứng cứ để xác định về số tiền nợ gốc theo yêu cầu của Công ty T là phù hợp không nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào tài liệu do Công ty T cung cấp là phù hợp quy định của pháp luật.

[4.2] Về tiền lãi, tiền lãi chậm trả và lãi suất: Hội đồng xét xử xét về tiền lãi, tiền lãi chậm trả và lãi suất thể hiện tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3869563, ngày 01/11/2022 thể hiện nội dung lãi suất do các bên thoả thuận là 44.00%/năm (một năm là 365 ngày). Ngoài ra, tại mục 8.3 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3869563, ngày 01/11/2022 thể hiện nội dung: *“Trả nợ trễ hạn: Khi đến đến hạn thanh toán mà Khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thoả thuận, thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo Lãi suất đã thoả thuận thì Khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả được tính như sau: Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn sẽ được tính theo công thức sau: $150\% \times (\text{Lãi Suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn}) \times (\text{dư nợ gốc quá hạn}) \times (\text{số ngày trễ hạn}/365)$. Trong đó, lãi suất áp dụng, đối với dư nợ gốc quá hạn là $150\% \times (\text{Lãi Suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn})$, hoặc thấp hơn tùy theo quyết định của MAFC theo từng thời điểm; Tiền lãi chậm trả sẽ được tính theo công thức sau: $10\% \times (\text{số dư lãi chậm trả}) \times (\text{số ngày trễ hạn}/365)$. Trong đó, lãi suất chậm trả là $10\%/năm$ hoặc thấp hơn tùy theo quyết định của MAFC theo từng thời điểm”*. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Công ty T của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do đó, đối với hợp đồng tín dụng mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thoả thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Việc thoả thuận lãi suất giữa

hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất. Vì vậy, tiền lãi được tính theo tiền lãi, tiền lãi chậm trả và lãi suất do Công ty T yêu cầu bà H trả với số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024: Số tiền lãi phát sinh trong hạn: 15.860.499 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 15.652.185 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.890.135 đồng là phù hợp quy định của pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà H còn phải chịu tiền lãi phát sinh sau ngày 30/9/2024 cho khi thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3869563, ngày 01/11/2022 là có cơ sở cần được chấp nhận.

Như vậy, Công ty T (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Kim H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/09/2024 là: 65.382.819 (sáu mươi lăm triệu ba trăm tám mươi hai nghìn tám trăm mười chín) đồng, trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 31.980.000 đồng; Số tiền lãi phát sinh trong hạn: 15.860.499 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 15.652.185 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.890.135 đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực và số tiền lãi phát sinh sau ngày 30/9/2024 đến ngày bà Nguyễn Kim H trả hết nợ cho Công ty T (Việt Nam) theo thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3869563, ngày 01/11/2022 là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2017; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 361, Điều 466, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357, Điều 342, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 2, Khoản 3, Điều 5; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T (Việt Nam).

Buộc bà Nguyễn Kim H thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền tính đến ngày 30/09/2024 là: 65.382.819 (sáu mươi lăm triệu ba trăm tám mươi hai nghìn tám trăm mười chín) đồng, trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 31.980.000 đồng; Số tiền lãi phát sinh trong hạn: 15.860.499 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 15.652.185 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.890.135 đồng.

Thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/10/2024, bà Nguyễn Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3869563, ngày 01/11/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T (Việt Nam) thì lãi suất mà bà H vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T (Việt Nam).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim H phải chịu án phí là 3.269.141 (ba triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi một) đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty T (Việt Nam) số tiền đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018812 ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày kể từ ngày các đương sự không có mặt tại phiên tòa nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THA DS C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Định